KHẢO SÁT KIẾN THỨC VỀ TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG CỦA BÀ MẸ CÓ CON DƯỚI 1 TUỔI TẠI PHƯỜNG 3 VÀ PHƯỜNG 8 THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2015

Mai Trung Hưng, Tạ Văn Trầm***

TÓM TẮT

Mục tiêu: *Khảo sát kiến thức về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2015.*

Phương pháp nghiên cứu*: Cắt ngang mô tả.*

Kết quả: *Khảo sát kiến thức về tiêm chủng mở rộng của 190 bà mẹ có con dưới 1 tuổi thu được kết quả như sau: Đa số các bà mẹ biết về lịch TCMR 94,7%, biết về các phản ứng phụ sau tiêm 91,6% và sự cần thiết của tiêm chủng 97,9%. Hiểu biết về các bệnh trong tiêm chủng: ho gà 99,5%; lao 97,4%; bại liệt 97,9%; bạch hầu 96,8%; viêm gan B 95,3%; sởi 94,7%. Về phản ứng phụ sau tiêm: các bà mẹ biết sau khi tiêm trẻ bị sốt 100%; quấy khóc 36,3%; sưng đau tại chỗ tiêm 76,8%. Thời điểm đưa trẻ đi tiêm: theo lịch tiêm chủng 72,1%; thông báo của xã/phường 21%; loa phát thanh 0,5%. Nơi đưa trẻ đi tiêm: trạm y tế xã/phường 91,6%; bệnh viện tuyến huyện, tỉnh 3,7%, trung tâm y tế dự phòng 3,7%, nơi khác 1,6%. Kiến thức về xử lý sốt sau tiêm: lau mát cho trẻ 85,5%; dùng thuốc hạ sốt 29,5%; đưa trẻ đến cơ sở y tế gần nhất 6,3%.*

Kết luận: *Đa số các bà mẹ có kiến thức đúng về chương trình tiêm chủng mở rộng.*

Từ khóa: *Tiêm chủng mở rộng.*

ABSTRACT

SURVEY ON KNOWLEDGE OF VACCINATION EXPANSION MOTHERS OF CHILDREN UNDER 1 YEAR IN WARD 3 AND WARD 8 MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE 2015

Mai Trung Hung, Ta Van Tram

* Y Hoc TP. Ho Chi Minh * Supplement of Vol. 19 - No 6 - 2015: 29-34

Objective: *Survey knowledge expanded vaccination of mothers of children under age 1 in Ward 3 and Ward 8 city of My Tho, Tien Giang province in 2015.*

Method: *Descriptive cross-sectional.*

Results: *Survey knowledge expanded vaccination of 190 mothers of children under 1 year old obtained the following results: The majority of mothers knew about 94.7% of EPI schedule, know about the side effects after vaccination 91.6 % and the necessity of vaccination 97.9%. Understanding of the disease in vaccinated: 99.5% pertussis; TB 97.4%; Polio 97.9%; diphtheria 96.8%; 95.3% for hepatitis B; Measles 94.7%. Regarding side effects after vaccination: mothers know after injection fever of 100%; crying 36.3%; swelling at the injection site pain 76.8%. The time for putting children to vaccination: vaccination calendar 72.1%; notice of communes / wards and 21%; loudspeaker 0.5%. Where to take children to the vaccination: CHS / ward 91.6%; district hospitals, the province of 3.7%, preventive health centers 3.7%, 1.6% elsewhere .m Knowledge of fever after injection treatment: wipe young cool 85.5%; using a fever of 29.5%; take the child to the nearest health facility 6.3%.*

* Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang.

Tác giả liên lạc: PGS.TS Tạ Văn Trầm, *ĐT:* 0913771779, *Email:* tavantram@gmail.com.

Conclusion: *Most mothers have correct knowledge about the expanded vaccination program.*

Keywords: *Expanded immunization.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới năm 1997 tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên thế giới vẫn còn cao 6,1%, trong đó các nước công nghiệp 0,7%, các nước phát triển 6,7% và các nước kém phát triển 10,9%. Tiêm chủng phòng bệnh bằng các vắc xin là một thành tựu trong y học ở thế kỷ XX, có ý nghĩa to lớn trong Y học dự phòng. Chương trình tiêm chủng mở rộng đã góp phần làm giảm đáng kể tỷ lệ mắc và chết của trẻ em dưới 1 tuổi và 5 tuổi về các bệnh truyền nhiễm. Ước tính hàng năm tiêm chủng đã cứu sống khoảng 1 triệu trẻ em ở các nước đang phát triển.

Thành phố Mỹ Tho thuộc tỉnh Tiền Giang, chủ yếu là người dân tộc Kinh. Công tác tiêm chủng mở rộng luôn đạt chỉ tiêu trên 96% trong nhiều năm. Tuy nhiên, tiến độ tiêm chủng hàng tháng dao động từ 6 - 8%, nhất là chênh lệch giữa các mũi tiêm. Phải chăng điều này có liên quan đến hiểu biết của các bà mẹ về tiêm chủng. Do đó việc tìm hiểu kiến thức về tiêm chủng mở rộng của các bà mẹ có con dưới 1 tuổi của Thành phố Mỹ Tho là yêu cầu cần thiết. Vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài: "Khảo sát kiến thức về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2015" nhằm mục tiêu Khảo sát kiến thức về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2015 và xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi.

Mục tiêu nghiên cứu

Khảo sát kiến thức về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2015.

ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Đối tượng nghiên cứu

Dân số mục tiêu

Các bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2015.

Tiêu chí chọn mẫu

Các bà mẹ có con dưới 1 tuổi đưa con đi chủng mở rộng tại Trạm Y tế Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tháng 4 năm 2015.

Tiêu chí loại trừ

Các bà mẹ không đồng ý tham gia phỏng vấn.

Cỡ mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu dịch tễ học cắt ngang sau đây:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2}\frac{\pi(1-\pi)}{d^2}$$

Trong đó: Z: khoảng tin cậy = 95% .

$Z_{1-\alpha/2}$: = 1,96

d: sai số chuẩn = 0,05.

π: Tần suất lý thuyết (dựa vào kết quả đề tài "*Nghiên cứu tình hình tiêm chủng ở trẻ em dưới 1 tuổi và một số yếu tố liên quan tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau năm 2009*" của Đào Văn Khuynh và Nguyễn Văn Qui lấy π=0,897) .

⇨ Cỡ mẫu nghiên cứu n= 142 người.

Chúng tôi lấy trọn tất cả các bà mẹ có con dưới 1 tuổi đưa con đi tiêm ngừa chủng mở rộng tại Trạm Y tế Phường 3 và Phường 8 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tháng 4 năm 2015 là 190 người.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Thu thập số liệu

Phỏng vấn kiến thức của các bà mẹ có con dưới 1 tuổi về tiêm chủng mở rộng bằng bộ câu hỏi (phụ lục 1).

Xử lý và phân tích số liệu

Các dữ liệu được mã hóa và sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 18.0 để nhập và phân tích dữ liệu.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Chúng tôi tiến hành khảo sát 190 bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, ghi nhận kết quả như sau:

Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Phân bố theo độ tuổi

Các bà mẹ dưới 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao 75%, còn lại là các bà mẹ trên 35 tuổi chiếm tỷ lệ 25%. Các bà mẹ có nhận thức tốt về độ tuổi sinh sản vì người phụ nữ ở độ tuổi từ 22-29 tuổi có sức khỏe sinh sản tốt nhất khi cơ thể đã phát triển toàn diện.

Trình độ học vấn

Đa số các bà mẹ có trình độ từ cấp 2 trở lên với tỷ lệ là 96,3%, các bà mẹ cấp 1 chiếm tỷ lệ 3,7%. Điều này phù hợp với dân trí của người dân sống tại thành thị.

Phân bố theo nghề nghiệp

Các bà mẹ có nghề nghiệp là công nhân, buôn bán chiếm tỷ lệ cao nhất là 40%; nhân viên, viên chức chiếm tỷ lệ 20%; nội trợ chiếm tỷ lệ 39%; nghề khác là 1%.

Đặc điểm về số con

Các bà mẹ có từ 1 đến 2 con chiếm tỷ lệ cao nhất 81,5%; các bà mẹ trên 2 con chiếm tỷ lệ 18,4%. Điều này phù hợp với chính sách dân số của Việt Nam.

Kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi

Kiến thức của các bà mẹ về lịch TCMR, sự cần thiết của TCMR và phản ứng sau tiêm và tiêm đầy đủ theo lịch

Bảng 1: *Kiến thức của các bà mẹ về lịch TCMR, sự cần thiết của TCMR và phản ứng sau tiêm và tiêm đầy đủ theo lịch*

Kiến thức	Biết		Không biết	
	n	%	n	%
Về lịch tiêm chủng	180	94,7	10	5,3
Sự cần thiết của tiêm chủng	186	97,9	4	2,1
Phản ứng sau tiêm	174	91,6	26	8,4
Tiêm đầy đủ theo lịch	188	99	2	1

Nhận xét: Qua kết quả ở bảng trên thì đa phần các bà mẹ có kiến thức đúng về lịch tiêm chủng mở rộng, sự cần thiết của tiêm chủng mở rộng, phản ứng sau tiêm, và tiêm đầy đủ theo lịch điều này chứng tỏ các bà mẹ đã được tiếp cận thông tin qua các phương tiện khác nhau tương đối chính xác. Đồng thời cho thấy mức độ quan tâm của các bà mẹ đối với vấn đề tiêm chủng cho trẻ tương đối cao, có ý thức tìm hiểu về nó để có biện pháp phòng ngừa.

Kiến thức của các bà mẹ về các bệnh trong TCMR

Bảng 2: *Kiến thức của bà mẹ về các bệnh trong TCMR*

Các bệnh trong TCMR	Biết		Không biết	
	n	%	n	%
Lao	185	97,4	5	2,6
Bạch hầu	184	96,8	6	3,2
Uốn ván	178	93,7	12	6,3
Viêm gan B	181	95,3	9	4,7
Bại liệt	186	97,9	4	2,1
Ho gà	189	99,5	1	0,5
Sởi	180	94,7	10	5,3

Nhận xét**:** Hiểu biết về các bệnh trong CTTCMR của các bà mẹ tương đối tốt, chứng tỏ các bà mẹ có tìm hiểu, nắm bắt thông tin về vấn đề này. Mặt khác, còn có sự góp phần không nhỏ của các cán bộ y tế trong công tác tuyên truyền tại địa phương.

Kiến thức của các bà mẹ về các phản ứng phụ sau tiêm chủng

Đa số các bà mẹ biết phản ứng sau tiêm là sốt với tỷ lệ cao nhất 99%, tiếp theo là sưng đau tại chỗ sau tiêm với tỷ lệ là 76,8%, quấy khóc 36,3%. Kết quả này rất phù hợp vì đây là những triệu

chứng thường gặp nhất sau khi tiêm ngừa cho trẻ em.

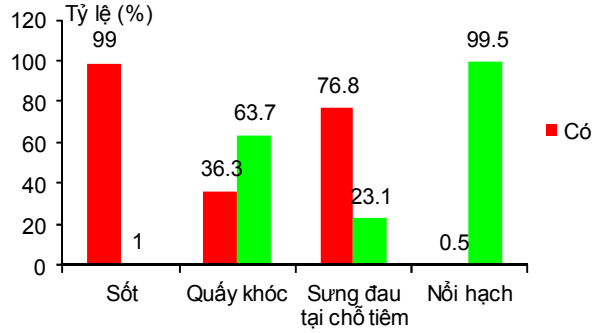

Biểu đồ 1: *Kiến thức của bà mẹ về các phản ứng phụ sau tiêm*

Nhận xét:

Kiến thức của các bà mẹ về thời điểm đưa trẻ đi tiêm chủng

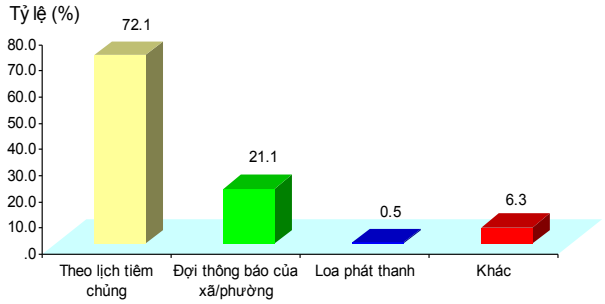

Biểu đồ 2*: Kiến thức của các bà mẹ về thời điểm đưa trẻ đi tiêm chủng*

Nhận xét: đa số các bà mẹ đều cho ý kiến là đưa trẻ đi tiêm ngừa theo lịch tiêm chủng 72,1%; đợi thông báo của xã/phường là 21,1%; các thời điểm khác là 6,8%.

Kiến thức của các bà mẹ về nơi đưa trẻ đi tiêm chủng

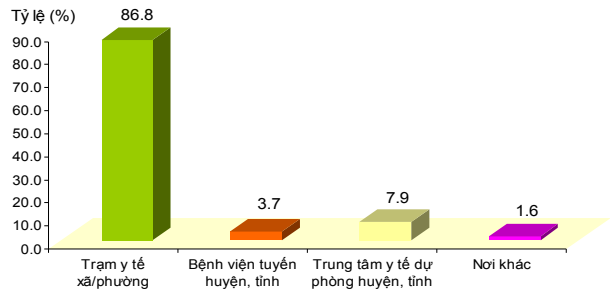

Biểu đồ 3: *Kiến thức của các bà mẹ về nơi đưa trẻ đi tiêm chủng*

Nhận xét: qua biểu đồ trên cho thấy phần lớn các bà mẹ đưa trẻ đi tiêm chủng tại trạm y tế xã/phường 86,8%; tại Trung tâm y tế dự phòng 7,9%; các nơi khác là 5,3%. Điều này rất đúng với thực trạng tình hình tiêm chủng tại địa phương mà chúng tôi khảo sát[16].

Kiến thức của các bà mẹ về thời gian phải cho trẻ ở lại nơi tiêm chủng sau khi tiêm

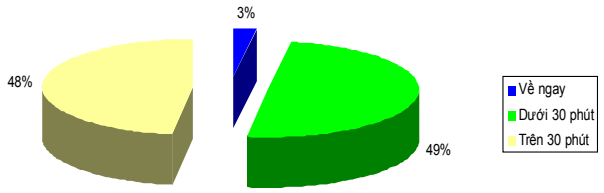

Biểu đồ 4: *Kiến thức của các bà mẹ về thời gian phải cho trẻ ở lại nơi tiêm chủng sau khi tiêm*

Nhận xét: qua khảo sát chúng tôi thấy rằng số bà mẹ trả lời sau khi tiêm chủng thời gian phải cho trẻ ở lại cơ sở y tế là trên 30 phút và dưới 30 phút gần như tương đương nhau (48% và 49%), 3% số bà mẹ cho rằng có thể đưa trẻ về ngay. Điều này cho thấy kiến thức của các bà mẹ về vấn đề này chưa thực sự tốt, có lẽ do công tác tuyên truyền của cơ sở y tế đến các bà mẹ chưa đầy đủ.

Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi

Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi với nhóm tuổi

Về lịch tiêm chủng

Bảng 4*: Mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về lịch tiêm chủng với nhóm tuổi*

Tuổi mẹ	Biết lịch trong tiêm chủng				p
	Biết		Không biết		
	n	%	N	%	
Dưới 35 tuổi	123	88,5	16	11,5	***0,036***
Trên 35 tuổi	39	76,5	12	23,5	

Nhận xét: trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi có 190 bà mẹ, qua phép kiểm định tỷ lệ giữa tuổi mẹ và sự hiểu biết về lịch tiêm chủng có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

Về các bệnh trong tiêm chủng

Bảng 5: *Mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về các bệnh trong TCMR với nhóm tuổi*

Tuổi mẹ	Biết các bệnh trong TCMR				p
	Biết		Không biết		
	n	%	N	%	
Dưới 35 tuổi	130	93,5	9	6,5	***0,01***
Trên 35 tuổi	38	74,5	13	25,5	

Nhận xét: có mối liên quan, có ý nghĩa thống kê giữa tuổi mẹ và sự hiểu biết về các bệnh trong TCMR (p<0,05).

Về sự cần thiết của tiêm chủng

Bảng 6: *Mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về sự cần thiết của TCMR với nhóm tuổi*

Tuổi mẹ	Sự cần thiết của TCMR				*P*
	Biết		Không biết		
	N	%	N	%	
Dưới 35 tuổi	126	90,6	13	9,4	***0,026***
Trên 35 tuổi	40	78,4	11	21,6	

Nhận xét: có mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về sự cần thiết của TCMR với tuổi mẹ (p<0,05).

Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi với trình độ học vấn

Về lịch tiêm chủng

Bảng 7: *Mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về lịch tiêm chủng với trình độ học vấn*

Trình độ học vấn	Biết lịch trong tiêm chủng				p
	Biết		Không biết		
	n	%	N	%	
Cấp 1	4	57,1	3	42,9	*0,087*
Cấp 2	57	89,1	7	10,9	
Cấp 3	70	94,6	4	5,4	
TC, CĐ, ĐH, SĐH	36	80	9	20	

Nhận xét: các bà mẹ có trình độ cấp 3 có sự hiểu biết đúng về lịch tiêm chủng cao nhất với tỷ lệ 94,6%, tuy nhiên không có sự khác biệt, không có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn với kiến thức của các bà mẹ về lịch TCMR (p>0,05).

Về các bệnh trong tiêm chủng

Bảng 8: *Mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về các bệnh trong TCMR với trình độ học vấn*

Trình độ học vấn	Biết các bệnh trong TCMR				p
	Biết		Không biết		
	n	%	N	%	
Cấp 1	3	42,9	4	57,1	*0,012*
Cấp 2	54	84,4	10	15,6	
Cấp 3	65	87,8	9	12,2	
TC, CĐ, ĐH, SĐH	40	88,9	5	11,1	

Nhận xét: có mối liên quan giữa kiến thức của các bà mẹ về các bệnh trong TCMR với trình độ học vấn, qua phép kiểm định ta thấy có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu điều tra 190 bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Phường 3 và Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang chúng tôi có kết luận sau:

Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Các bà mẹ có độ tuổi 35 chiếm đa số 75%, còn lại là 25% các bà mẹ trên 35 tuổi.

Trình độ học vấn từ cấp 2 chiếm đa số 96,3%.

Nghề nghiệp phân bố khá đồng đều trong đó công nhân, buôn bán chiếm đa số 40%.

Số con: các bà mẹ từ 2 con trở xuống chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 81,5%.

Kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi

Đa số các bà mẹ biết về lịch TCMR 94,7%, biết về các phản ứng phụ sau tiêm 91,6% và sự cần thiết của tiêm chủng 97,9%.

Hiểu biết về các bệnh trong tiêm chủng: ho gà 99,5%; lao 97,4%; bại liệt 97,9%; bạch hầu 96,8%; viêm gan B 95,3%; sởi 94,7%.

Về phản ứng phụ sau tiêm: các bà mẹ biết sau khi tiêm trẻ bị sốt 100%; quấy khóc 36,3%; sưng đau tại chỗ tiêm 76,8%.

Thời điểm đưa trẻ đi tiêm: theo lịch tiêm chủng 72,1%; thông báo của xã/phường 21%; loa phát thanh 0,5%.

Nơi đưa trẻ đi tiêm: trạm y tế xã/phường 91,6%; bệnh viện tuyến huyện, tỉnh 3,7%, trung tâm y tế dự phòng 3,7%, nơi khác 1,6%.

Kiến thức về xử lý sốt sau tiêm: lau mát cho trẻ 85,5%; dùng thuốc hạ sốt 29,5%; đưa trẻ đến cơ sở y tế gần nhất 6,3%.

Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về tiêm chủng mở rộng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi

Có mối liên quan giữa tuổi mẹ với kiến thức của các bà mẹ về lịch tiêm chủng, các bệnh trong tiêm chủng, sự cần thiết của tiêm chủng (p<0,05); giữa trình độ học vấn với kiến thức của các bà mẹ về các bệnh trong tiêm chủng (p<0,05); giữa số con với lịch tiêm chủng, các bệnh trong tiêm chủng (p<0,05).

Không có mối liên quan giữa trình độ học vấn với lịch tiêm chủng (p>0,05); giữa nghề nghiệp với lịch tiêm chủng, các bệnh trong tiêm chủng (p>0,05); giữa số con với sự cần thiết của tiêm chủng (p>0,05).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng Nhi khoa (2000), Chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, Nhà xuất bản Hà Nội, tr.108-109.
2. Bloom BR, Murray CJ (2012). *Tuberculosis: Comment on a Re-emergent Killer*, p.1056.
3. Chương trình tiêm chủng mở rộng Quốc gia – UNICEF – PATH (2005), Thực hành tiêm chủng, Hà Nội.
4. Chương trình tiêm chủng mở rộng Quốc gia – WHO (1993), Thực hành tiêm chủng, Hà Nội.
5. Chương trình tiêm chủng mở rộng WHO- GAVI (2002), Triển khai tiêm viêm gan B trong tiêm chủng mở rộng, Hà Nội
6. Lê Thanh Bình (2001), Bài giảng chương trình TCMR, Bộ môn nhi- Trường Đại học Y khoa Huế, tr 1.
7. Lê Thi Bé Tua, Đỗ Nguyên (2000), " Hiệu quả Chương trình TCMR tại thị trấn Cờ Đỏ, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ", Hội nghị khoa học kỹ thuật trường Đại Học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 89.
8. Ngô Văn Hùng (2007), Tìm hiểu kiến thức thái độ và thực hành của bà mẹ có con dưới 2 tuổi về chương trình CTMR tại xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa năm 2006, luận văn tốt nghiệp BS Cấp I, Trường Đại học Y khoa Huế.
9. Nguyễn Thị Diệu Hiền (2007), Đánh giá hiệu quả chương trình TCMR tại Quảng Bình, *Tạp chí y học thực hành số 568*, tr.811-813.
10. Robtins FC (1994), Polio historical in Plokin, vaccine, 2nd ed. WB Sauder, Philedelphia. p.137.
11. WHO (1999), Using Surveillance data and outbreak investigation to strengthen measles immunization programme, p3.

Ngày nhận bài báo: *24/09/2015.*
Ngày phản biện: *25/09/2015.*
Ngày bài báo được đăng: *11/12/2015.*